

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TỪ SƠN
TỈNH BẮC NINH**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2019/DS-ST

Ngày: 30/12/2019

“V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TỪ SƠN, TỈNH BẮC NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Đức Hùng, ông Ngô Mạnh Hải.

- Thư ký phiên tòa: Ông Tạ Hữu Hiền- Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Từ Sơn tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Cao Khải - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 32/2019/TLST- DS ngày 20 tháng 06 năm 2019 về việc “tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2019/QĐXXST- DS ngày 14 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam; Địa chỉ: Số 35 Hàng Vôi, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức Tú; chức vụ: Tổng giám đốc;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trịnh Ngọc S; Chức vụ giám đốc Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - chi nhánh Kinh Bắc; Địa chỉ: Tòa nhà Cát Tường New, Lô CC03, đường Lý Thái Tổ, phường Ninh Xá, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

Người được ủy quyền lại: Ông Nguyễn Đăng C; Chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch Minh Khai.

Bị đơn: Ông Lê Văn T, sinh năm 1980; Nơi cư trú: Thôn Đ, xã P, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh. Vắng mặt.

Bà Trần Thị T, sinh năm 1986; HKTT: Thôn T, xã T, huyện Đ, thành phố Hà Nội. Hiện đang tạm trú tại: Khu đô thị P, xã H, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, đại diện ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam trình bày: Vào ngày 28/01/2015 giữa ông T, bà T và Ngân hàng Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Đồng bằng Sông Cửu Long chi nhánh Bắc Ninh – Phòng giao dịch Từ Sơn được sáp nhập vào Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam theo Quyết định số 589/QĐ-NHNN ngày 25/04/2015 (Nay là Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam chi nhánh Kinh Bắc – Phòng giao dịch Minh Khai) đã ký hợp đồng tín dụng số T.A.0022.15/HĐTD với số tiền 1.000.000.000 đồng. Mục đích vay để thanh toán chi phí xây dựng nhà ở. Lãi suất cho vay trong hạn theo mức lãi suất vay thả nổi, tại thời điểm ký hợp đồng là 12%/năm. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Thời hạn cho vay 60 tháng. Phương thức trả nợ: tiền lãi được trả hàng tháng, tiền nợ gốc được trả thành 20 kỳ hạn, 3 tháng một lần, mỗi lần 50.000.000 đồng.

Tại giấy nhận nợ số T.A.0022.15.01/GNN ngày 28/01/2015 ông T, bà T đã nhận số tiền 1.000.000.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản 740.000.000 đồng, nhận tiền mặt là 260.000.000 đồng. Ông T, bà T đã ký nhận vào giấy nhận nợ của Ngân hàng.

Để đảm bảo cho khoản vay này, ông T, bà T đã thế chấp tài sản chung là quyền sử dụng đất số 49, tờ bản đồ số 06, diện tích đất 94 m² tại địa chỉ thôn Phù Khê Đông, xã Phù Khê, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 291955 do UBND thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh cấp cho ông Lê Văn T ngày 08/05/2009 theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0001.15/HĐTC ngày 28/01/2015 tại Phòng công chứng số 2, tỉnh Bắc Ninh, ngày 28/12/2015 đã thay đổi nội dung bên nhận thế chấp từ ngân hàng TMCP phát triển nhà Đồng bằng Sông Cửu Long chi nhánh Bắc Ninh – PGD Từ Sơn thành Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Kinh Bắc. Hiện tại là thửa số 128, tờ bản đồ số 43, diện tích 98m². Trên đất có 01 ngôi nhà 03 tầng, đổ trần bê tông cốt thép, tường chịu lực, tường trong và ngoài lán sơn, nền lát gạch granit (tầng 1 lát gạch bỏ), cửa đi, cửa sổ, cửa thông phòng, cửa kính khuôn gỗ nhóm 2, tầng 1 cửa đi là cửa xếp, cầu thang tay vịn gỗ nhóm 2, ốp đá bậc cầu thang. Toàn bộ ngôi nhà 3 tầng cũng là tài sản thế chấp.

Từ khi ký hợp đồng, tính đến ngày 28/10/2016 ông T, bà T đã trả được cho Ngân hàng số tiền nợ gốc 350.000.000 đồng, tiền lãi đã thanh toán được một phần. Từ đó đến nay ông T, bà T chưa trả được vì kinh tế khó khăn. Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam đã yêu cầu nhiều lần nhưng ông T, bà T không trả. Vì vậy, Ngân hàng đã yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T, bà T phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ tính đến ngày 06/05/2019 là: 870.700.000 đồng, trong đó nợ gốc 650.000.000 đồng, nợ lãi quá hạn và phí chậm trả: 220.700.000 đồng và trả lãi theo hợp đồng tín dụng số T.A.0022.15/HĐTD ngày 28/01/2015 và Giấy nhận nợ số

T.A.0022.15.01/GNN ngày 28/01/2015 tại Ngân hàng TMCP Phát Triển Nhà Đồng bằng Sông Cửu Long chi nhánh Bắc Ninh – Phòng giao dịch Từ Sơn được sáp nhập vào Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam theo Quyết định số 589/QĐ-NHNN ngày 25/04/2015 (Nay là Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam chi nhánh Kinh Bắc - Phòng giao dịch Minh Khai) đã ký đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Nếu ông T, bà T không trả được tiền thì Ngân hàng TMCP Đầu Tư và phát triển Việt Nam có quyền đề nghị Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền T hành phát mại tài sản thế chấp để thu hồi toàn bộ khoản nợ.

Bà T là bị đơn vắng mặt nhiều lần, Ngân hàng đã liên lạc nhiều lần với bà T nhưng bà T không cung cấp địa chỉ nơi ở mới, không đến Tòa án làm việc nên đề nghị Tòa án không T hành hòa giải mà đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam đã giao nộp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện gồm: Bản sao Giấy chứng minh nhân dân; sổ hộ khẩu; hợp đồng thế chấp; hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ; hồ sơ pháp lý của Ngân hàng; giấy ủy quyền; Thông báo về việc nợ quá hạn và các biên bản làm việc; Biên lai thu tiền tạm ứng án phí; Quyết định công nhận thuận T ly hôn số 100 ngày 12/9/2016 của Tòa án nhân dân thị xã Từ Sơn;

Tại biên bản lấy lời khai và các lời khai tại Tòa án án, bị đơn là ông Lê Văn T trình bày: Ông xác nhận toàn bộ nội dung trình bày của đại diện nguyên đơn về số nợ của hợp đồng tín dụng, Hợp đồng thế chấp tài sản cũng như xác nhận toàn bộ số nợ gốc và lãi theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đúng. Theo hợp đồng tín dụng đã ký tính đến ngày 06/05/2019 ông và bà T còn nợ Ngân hàng số tiền là: 870.700.000 đồng, trong đó nợ gốc 650.000.000 đồng, nợ lãi quá hạn và phí chậm trả 220.700.000 đồng.

Nay, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu trả số tiền nợ gốc, nợ lãi cộng tiền lãi phát sinh đến thời điểm thanh toán hết nợ theo mức lãi suất quy định trong hợp đồng tín dụng đã ký giữa hai bên, ông đồng ý trả nợ; Hiện tại do kinh tế khó khăn nên ông xin trả dần mỗi tháng 10.000.000 đồng. Nếu ông không trả được tiền thì Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam có quyền đề nghị Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền T hành phát mại tài sản thế chấp để thu hồi toàn bộ khoản nợ. Số tiền ông và bà T vay Ngân hàng để trả tiền xây nhà. Trong hợp đồng thế chấp đã ký với Ngân hàng, ông nhất trí toàn bộ ngôi nhà đã hoàn thiện xong đều là tài sản thế chấp.

Hộ gia đình ông theo sổ hộ khẩu gồm có: Ông, bà Trần Thị T, mẹ ông là Dương Thị H, con trai Lê Quang M sinh năm 2005 và Lê Anh Đ sinh năm 2007. Hai con của ông còn nhỏ không có công sức đóng góp gì vào khối tài sản chung của ông và bà T. Bà Hải chỉ có tên trong sổ hộ khẩu gia đình và sống cùng với ông. Tài sản này là tài sản của ông không liên quan đến bà Hải.

Ông và bà T đã ly hôn tại Tòa án nhân dân thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh. Tại quyết định số 100/2016/QĐST- HNGĐ ngày 12/9/2016 của Tòa án nhân dân thị xã Từ Sơn đã công nhận thuận T ly hôn giữa ông và bà T, bà T là người nuôi 2 con chung, tài sản chung, công nợ không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hiện tại bà T đã kết hôn với người khác và sống ở Đông Anh, Hà Nội. Bà T vẫn kinh doanh bán hàng tại Phù Khê. Ông là người chịu trách nhiệm giải quyết khoản nợ này với Ngân hàng và quyết định mọi vấn đề liên quan đến tài sản thế chấp. Theo sổ hộ khẩu của gia đình nộp tại Ngân hàng thì có tên bà T, còn hiện nay bà T có tên trong sổ hộ khẩu của ông hay không ông không biết.

Vì công việc bận không thể đến Tòa án giải quyết việc kiện nên ông đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt. Ông từ chối đến làm việc tại Tòa án. Nếu Tòa án đưa vụ án ra xét xử, ông đề nghị xử vắng mặt. Ông vẫn giữ nguyên lời khai này, Tòa án xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 14/11/2019, bà Trần Thị T khai bà đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên hòa giải, thông báo kết quả xem xét thẩm định, kết quả phiên họp của Tòa án. Bà đã nhận được điện thoại nhiều lần của Tòa án hẹn lịch làm việc nhưng bà không đến. Bà xác định có vay nợ Ngân hàng theo như đơn khởi kiện của Ngân hàng. Khoản nợ này bà vay khi còn chung sống với ông T. Bà và ông T đã ly hôn, không giải quyết về tài sản và công nợ. Bà đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Bà không đến Tòa án làm việc.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã T hành hòa giải vụ án theo đúng quy định của pháp luật nhưng bị đơn là ông T, bà T không đến Tòa án làm việc nên không T hành hòa giải được, vì vậy Tòa án Quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc Lê Văn T, bà Trần Thị T phải trả Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam số tiền nợ gốc và nợ lãi tính đến ngày 30/12/2019 là: 926.050.000 đồng, trong đó nợ gốc 650.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 238.116.667 đồng và lãi chậm trả quá hạn: 37.933.333 đồng và trả lãi theo hợp đồng tín dụng số T.A.0022.15/HĐTD ngày 28/01/2015 và Giấy nhận nợ số T.A.0022.15.01/GNN ngày 28/01/2015 tại Ngân hàng TMCP Phát Triển Nhà Đồng bằng Sông Cửu Long chi nhánh Bắc Ninh– Phòng giao dịch Từ Sơn được sáp nhập vào Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam theo Quyết định số 589/QĐ-NHNN ngày 25/04/2015 (Nay là Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam chi nhánh Kinh Bắc – Phòng giao dịch Minh Khai) đã ký đến khi thanh toán xong nợ.

Nếu ông T, bà T không trả được tiền thì Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam có quyền đề nghị Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền T hành phát mại tài sản thế chấp để thu hồi toàn bộ khoản nợ.

Bị đơn là ông T, bà T vắng mặt tại phiên tòa và đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Từ Sơn phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn trong vụ án kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến phần tranh luận tại phiên tòa là đảm bảo theo đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ, bị đơn không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn là ông T đã có đơn xét xử vắng mặt, bà T vắng mặt đã được tổng đạt, niêm yết công khai hợp lệ, đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nên đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt họ.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 295, 298, 318, 319, 320, 322, 463, 466 của Bộ luật dân sự 2015;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển đối với ông Lê Văn T, bà Trần Thị T.

Buộc ông Lê Văn T, bà Trần Thị T phải trả Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam số tiền nợ gốc và nợ lãi tính đến ngày 30/12/2019 là: 926.050.000 đồng, trong đó nợ gốc 650.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 238.116.667 đồng và lãi chậm trả quá hạn: 37.933.333 đồng. Nếu ông T, bà T không trả được tiền cho Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam thì Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam có quyền đề nghị cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Lê Văn T, bà Trần Thị T phải trả số tiền gốc, lãi theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa hai bên và xử lý tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật. Mục đích vay tiền của ông T, bà T là để trả tiền hoàn thiện xây nhà nên đây là vụ án dân sự, về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền: Bị đơn là ông Lê Văn T, bà Trần Thị T trú tại thôn Phù Khê Đông, xã Phù Khê, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

Về thời hiệu khởi kiện: Đây là vụ án về tranh chấp hợp đồng tín dụng. Hai bên đương sự ký hợp đồng vào ngày 28/01/2015. Thời hạn thanh toán của hợp đồng là 60 tháng tính từ ngày ký hợp đồng. Ông T, bà T đã trả tiền cho Ngân hàng đến ngày 28/10/2016 thì không trả nữa. Ngân hàng đã yêu cầu ông T, bà T trả tiền nhiều lần nhưng không trả nên đã khởi kiện ra Tòa án nhân dân thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh. Căn cứ vào Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 429 Bộ luật dân sự 2015 thời hiệu khởi kiện vẫn còn.

Tòa án nhân dân thị xã Từ Sơn đã tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập phiên tòa hợp lệ cho các đương sự trong vụ án. Tại phiên tòa ngày 13/12/2019, bà T, ông T vắng mặt lần thứ nhất, căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đã quyết định hoãn phiên tòa. Theo Quyết định hoãn phiên tòa số 01 của Hội đồng xét xử, phiên tòa được mở lại vào hồi 08 giờ ngày 30/12/2019, bà T vắng mặt lần thứ hai, ông T có đơn xin xử vắng mặt, căn cứ Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt ông T, bà T.

- *Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:* Xét hợp đồng tín dụng số T.A.0022.15/HĐTD ngày 28/01/2015 và Giấy nhận nợ số T.A.0022.15.01/GNN ngày 28/01/2015 giữa Ngân hàng TMCP Phát Triển Nhà Đồng bằng Sông Cửu Long chi nhánh Bắc Ninh – Phòng giao dịch Từ Sơn được sáp nhập vào Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam theo Quyết định số 589/QĐ-NHNN ngày 25/04/2015 (Nay là Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam chi nhánh Kinh Bắc – Phòng giao dịch Minh Kha) với ông Lê Văn T, bà Trần Thị T, Hội đồng xét xử thấy rằng: Các bên tham gia hợp đồng có đủ năng lực hành vi dân sự và tự nguyện giao kết hợp đồng, nội dung và mục đích của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Việc ký hợp đồng tín dụng được thực hiện đúng theo trình tự pháp luật về tín dụng ngân hàng nên hợp đồng này có hiệu lực pháp luật. Ông T, bà T đã nhận đầy đủ tiền theo khế ước nhận nợ nhưng không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền theo thỏa thuận nên Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam đã khởi kiện ra Tòa án buộc ông T, bà T phải trả tiền cho Ngân hàng theo hợp đồng đã ký. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chính đáng và phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam, ông T đều xác nhận số nợ gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký, bà T thừa nhận có vay tiền của Ngân hàng theo như khởi kiện là đúng nhưng không đến Tòa án làm việc và đề nghị Tòa án giải quyết theo định của pháp luật. Ông T, bà T đều công nhận khoản tiền vay Ngân hàng khi còn chung sống với nhau. Tại quyết định số 100/2016/QĐST- HNGĐ ngày 12/9/2016 của Tòa án nhân dân thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh đã công nhận thuận T ly hôn giữa ông T và bà T, bà T là người nuôi 2 con chung, tài sản chung, công nợ không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do các đương sự đều xác nhận số nợ là đúng nên

căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, vấn đề này không phải chứng minh và được Hội đồng xét xử chấp nhận. Buộc ông T, bà T phải trả cho Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam số tiền tính đến ngày 30/12/2019 là 926.050.000 đồng, trong đó nợ gốc 650.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 238.116.667 đồng và lãi chậm trả quá hạn: 37.933.333 đồng và trả lãi theo hợp đồng tín dụng số T.A.0022.15/HĐTD ngày 28/01/2015 và Giấy nhận nợ số T.A.0022.15.01/GNN ngày 28/01/2015 tại Ngân hàng TMCP Phát Triển Nhà Đồng bằng Sông Cửu Long chi nhánh Bắc Ninh – Phòng giao dịch Từ Sơn được sáp nhập vào Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam theo Quyết định số 589/QĐ-NHNN ngày 25/04/2015 (Nay là Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam chi nhánh Kinh Bắc – Phòng giao dịch Minh Khai) đã ký đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Để đảm bảo cho khoản vay này, ông T, bà T đã thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất số 49, tờ bản đồ số 06, diện tích đất 94 m² tại địa chỉ thôn Phù Khê Đông, xã Phù Khê, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 291955 do UBND thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh cấp cho ông Lê Văn T ngày 08/05/2009 theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0001.15/HĐTC ngày 28/01/2015 tại Phòng công chứng số 2, tỉnh Bắc Ninh, ngày 28/12/2015 đã thay đổi nội dung bên nhận thế chấp từ ngân hàng TMCP phát triển nhà Đồng bằng Sông Cửu Long chi nhánh Bắc Ninh – PGD Từ Sơn thành Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Kinh Bắc. Hiện tại là thửa số 128, tờ bản đồ số 43, diện tích 98m². Trên đất có 01 ngôi nhà 03 tầng, đổ trần bê tông cốt thép, tường chịu lực, tường trong và ngoài lán sơn, nền lát gạch granit (tầng 1 lát gạch bông), cửa đi, cửa sổ, cửa thông phòng, cửa kính khuôn gỗ nhóm 2, tầng 1 cửa đi là cửa xếp, cầu thang tay vịn gỗ nhóm 2, ốp đá bậc cầu thang. Toàn bộ ngôi nhà 3 tầng cũng là tài sản thế chấp. Xét thấy, việc ký kết tài sản thế chấp giữa ông T, bà T với Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam đã tuân thủ các quy định của pháp luật nên có hiệu lực pháp luật. Ông T, bà T không trả được tiền cho Ngân hàng thì Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam có quyền đề nghị cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản này theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam được chấp nhận nên không phải chịu án phí. Hoàn trả cho ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bị đơn là ông T, bà T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92; Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 295, 298, 318, 319, 320, 322, 463, 466 của Bộ luật dân sự 2015; Điều

91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; Quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng và Nghị định số 63/NĐ - CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm và Nghị định số 11/2012/NĐ – CP ngày 22/02/2012 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm và Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về lệ phí, án phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam đối với ông Lê Văn T, bà Trần Thị T về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Buộc ông Lê Văn T, bà Trần Thị T phải trả Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam số tiền nợ gốc và nợ lãi tính đến ngày 30/12/2019 là: 926.050.000 đồng, trong đó nợ gốc 650.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 238.116.667 đồng và lãi chậm trả quá hạn: 37.933.333 đồng và trả lãi theo hợp đồng tín dụng số T.A.0022.15/HĐTD ngày 28/01/2015 và Giấy nhận nợ số T.A.0022.15.01/GNN ngày 28/01/2015 tại Ngân hàng TMCP Phát Triển Nhà Đồng bằng Sông Cửu Long chi nhánh Bắc Ninh – Phòng giao dịch Từ Sơn được sáp nhập vào Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam theo Quyết định số 589/QĐ-NHNN ngày 25/04/2015 (Nay là Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam chi nhánh Kinh Bắc – Phòng giao dịch Minh Khai) đã ký đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Ông T, bà T không trả được tiền cho Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam thì Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam có quyền đề nghị cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật.

Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất số 49, tờ bản đồ số 06, diện tích đất 94 m² tại địa chỉ thôn Phù Khê Đông, xã Phù Khê, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 291955 do UBND thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh cấp cho ông Lê Văn T ngày 08/05/2009 theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0001.15/HĐTC ngày 28/01/2015 tại Phòng công chứng số 2, tỉnh Bắc Ninh, ngày 28/12/2015 đã thay đổi nội dung bên nhận thế chấp từ ngân hàng TMCP phát triển nhà Đồng bằng Sông Cửu Long chi nhánh Bắc Ninh – PGD Từ Sơn thành Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Kinh Bắc. Hiện tại là thửa số 128, tờ bản đồ số 43, diện tích 98m². Trên đất có 01 ngôi nhà 03 tầng, đổ trần bê tông cốt thép, tường chịu lực, tường trong và ngoài lán sơn, nền lát gạch granit (tầng 1 lát gạch bông), cửa đi, cửa sổ, cửa thông phòng, cửa kính khuôn gỗ nhóm 2, tầng 1 cửa đi là cửa xếp, cầu thang tay vịn gỗ nhóm 2, ốp đá bậc cầu thang. Toàn bộ ngôi nhà 3 tầng cũng là tài sản thế chấp.

Án phí: Ông Lê Văn T, bà Trần Thị T phải chịu 39.781.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam 19.061.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số AA/2017/0002196 ngày 19/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Từ Sơn.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được thông đạt bản án hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Từ Sơn;
- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- Cơ quan THADS thị xã Từ Sơn;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hồng Thanh